



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06DC (Công nghệ địa chính)
Môn Học: Rèn nghề ĐC 1 (909915-01)
CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa QI (R04)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Trang 1
1	06151001	NGUYỄN LÊ HOÀNG ANH	24/09/89		10	Mười		Ghi Chú
2	06151027	TỪ THIÊN BÁ	11/11/88		9	Chín		
3	06151003	TRỊNH TRẦN BẮC	20/03/88		10	Mười		
4	06151005	ĐẶNG NGỌC DƯƠNG	18/08/88		9	Chín		
5	06151031	NINH HÀ DƯƠNG	18/08/88		9	Chín		
6	06151033	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	28/09/88		9	Chín		
7	06151006	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	03/04/87		9	Chín		
8	06151007	HUỖNH HỒNG ĐOAN	06/11/87		9	Chín		
9	06153008	HỒ NGỌC HÀ	03/07/87		9	Chín		
10	06151035	NGUYỄN VĂN HÀ	20/10/86		9	Chín		
11	06151036	BÙI MINH HIẾU	28/04/87		9	Chín		
12	06151008	NGUYỄN QUỲNH HOA	20/08/87		9	Chín		
13	06151039	CAO NGỌC HÙNG	21/12/86		10	Mười		
14	06151009	HUỖNH NHẬT HUY	07/02/88		10	Mười		
15	06151040	NGUYỄN THỨC HƯNG	05/05/86		9	Chín		
16	06151041	BÙI ĐỨC KHANG	30/05/88		9	Chín		
17	06151042	HỒ TRUNG KIÊN	17/09/87		10	Mười		
18	06151011	ĐẶNG THẢO LAM	11/06/87		9	Chín		
19	06151045	CÁI THỊ THÚY LIỄU	03/05/88		9	Chín		
20	06151046	LÊ THỊ THÚY LIỄU	15/07/88		9	Chín		
21	06151047	NGUYỄN VĂN CHÍ LINH	30/03/87		9	Chín		
22	06151048	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	06/10/88		9	Chín		
23	06151012	NGUYỄN HỒNG LỘC	12/12/87		10	Mười		
24	06151013	NGUYỄN THUẬN LỘC	05/01/88		10	Mười		
25	06146032	ĐOÀN VĂN MỘC	/ /86		10	Mười		
26	06151051	LÊ NGỌC TRÀ MY	11/04/88		9	Chín		
27	06151052	LÊ VÕ NHƯ NGỌC	12/09/88		9	Chín		
28	06151016	NGUYỄN TRƯỜNG NHÂN	25/08/87		9	Chín		
29	06151053	DƯƠNG QUỐC NHUẬN	26/12/87		9	Chín		
30	06151015	Y HIỆP NIÊ	20/10/87		9	Chín		
31	06151017	R CƠM NUIN	25/05/88		10	Mười		
32	06151018	BÙI THỊ TUYẾT OANH	09/09/87		9	Chín		
33	06151054	NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH	01/04/87		9	Chín		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH06DC (Công nghệ địa chính)
Môn Học: Rèn nghề DC 1 (909915-01)
CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa QJ (R04)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Trang 2
34	06151056	PHAM TRẦN THÀNH	PHÚ	25/11/87	9	Chín		Ghi Chú
35	06151019	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	16/06/87	10	Mười		
36	06151087	HOÀNG THỊ NỮ	PHƯƠNG	01/01/87	9	Chín		
37	06151057	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	20/03/87	10	Mười		
38	06151058	TRẦN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	19/05/88	9	Chín		
39	06151020	NGUYỄN BẢO	QUỐC	10/05/85	9	Chín		
40	06151021	DƯƠNG VĂN	SIÊM	13/09/87	10	Mười		
41	06151060	NGUYỄN THỊ HỒNG	SƠN	02/12/88	9	Chín		
42	06151022	LÊ TIẾN	TÀI	10/04/87	9	Chín		
43	06151062	LÊ VĂN	THÁI	04/12/88	9	Chín		
44	06151023	LÊ MINH	THÀNH	05/10/88	10	Mười		
45	05151032	LÊ HUỖNH THẠCH	THẢO	07/02/87	9	Chín		
46	06151064	NGUYỄN VĂN	THĂNG	22/12/87	9	Chín		
47	06151024	PHAN THỊ CẨM	TIẾN	27/01/88	9	Chín		
48	06151025	DANH THANH	TÔNG	30/08/86	10	Mười		
49	06151067	DƯƠNG THỊ MINH	TRANG	04/02/86	9	Chín		
50	06151068	NGUYỄN HUỖNH THỦY	TRANG	17/11/88	9	Chín		
51	06151072	NGUYỄN XUÂN	TUYẾN	27/09/85	10	Mười		
52	06151073	DƯƠNG THỊ THANH	TUYẾN	28/05/88	9	Chín		
53	06151074	LÊ GIA	TÝ	05/06/88	10	Mười		
54	06151026	NGUYỄN VĂN	TÝ	20/08/88	10	Mười		

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài: _____ Số tờ: _____

Số sinh viên đạt: _____ Không đạt: _____

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

In Ngày 24/02/10

Cán Bộ Coi Thi 1 Đ. Đình An Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 24/02/10

TP.HCM, Ngày 24 tháng 02 năm 2010

Đặng Quang Thịnh

Đặng Quang Thịnh



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06DC (Công nghệ địa chính)
Môn Học: Rèn nghề DC 2 (909916-01)
CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa QL (R04)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Trang 1	Ghi Chú
1	06151001	NGUYỄN LÊ HOÀNG ANH	24/09/89		10	Mười			
2	06151027	TỪ THIÊN BÁ	11/11/88		9	chín			
3	06151003	TRỊNH TRẦN BẮC	20/03/88		10	Mười			
4	06151005	ĐẶNG NGỌC DƯƠNG	18/08/88		10	Mười			
5	06151031	NINH HÀ DƯƠNG	18/08/88		9	chín			
6	06151033	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	28/09/88		9	chín			
7	06151006	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	03/04/87		9	chín			
8	06151007	HUỖNH HỒNG ĐOAN	06/11/87		9	chín			
9	06153008	HỒ NGỌC HÀ	03/07/87		10	Mười			
10	06151035	NGUYỄN VĂN HÀ	20/10/86		10	Mười			
11	06151036	BÙI MINH HIẾU	28/04/87		9	chín			
12	06151008	NGUYỄN QUỲNH HOA	20/08/87		9	chín			
13	06151039	CAO NGỌC HÙNG	21/12/86		9	chín			
14	06151009	HUỖNH NHẬT HUY	07/02/88		10	Mười			
15	06151040	NGUYỄN THỨC HƯNG	05/05/86		9	chín			
16	06151041	BÙI ĐỨC KHANG	30/05/88		9	chín			
17	06151042	HỒ TRUNG KIÊN	17/09/87		10	Mười			
18	06151011	ĐẶNG THẢO LAM	11/06/87		9	chín			
19	06151045	CÁI THỊ THÚY LIỄU	03/05/88		9	chín			
20	06151046	LÊ THỊ THÚY LIỄU	15/07/88		9	chín			
21	06151047	NGUYỄN VĂN CHÍ LINH	30/03/87		9	chín			
22	06151048	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	06/10/88		9	chín			
23	06151012	NGUYỄN HỒNG LỘC	12/12/87		9	chín			
24	06151013	NGUYỄN THUẬN LỘC	05/01/88		10	Mười			
25	06146032	ĐOÀN VĂN MỘC	/ /86		10	Mười			
26	06151051	LÊ NGỌC TRÀ MY	11/04/88		9	chín			
27	06151052	LÊ VÕ NHƯ NGỌC	12/09/88		9	chín			
28	06151016	NGUYỄN TRƯỜNG NHÂN	25/08/87		9	chín			
29	06151053	DƯƠNG QUỐC NHUẬN	26/12/87		10	Mười			
30	06151015	Y HIỆP NIÊ	20/10/87		9	chín			
31	06151017	R CƠM NUIN	25/05/88		9	chín			
32	06151018	BÙI THỊ TUYẾT OANH	09/09/87		9	chín			
33	06151054	NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH	01/04/87		9	chín			

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: DH06DC (Công nghệ địa chính)
Môn Học: Rèn nghề ĐC 2 (909916-01)
CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa QI (R04)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	06151056	PHẠM TRẦN THÀNH	PHÚ	25/11/87	9	chín		
35	06151019	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	16/06/87	9	chín		
36	06151087	HOÀNG THỊ NỮ	PHƯƠNG	01/01/87	9	chín		
37	06151057	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	20/03/87	9	chín		
38	06151058	TRẦN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	19/05/88	9	chín		
39	06151020	NGUYỄN BẢO	QUỐC	10/05/85	9	chín		
40	06151021	DƯƠNG VĂN	SIÊM	13/09/87	9	chín		
41	06151060	NGUYỄN THỊ HỒNG	SON	02/12/88	9	chín		
42	06151022	LÊ TIẾN	TÀI	10/04/87	10	Mười		
43	06151062	LÊ VĂN	THÁI	04/12/88	9	chín		
44	06151023	LÊ MINH	THÀNH	05/10/88	10	Mười		
45	05151032	LÊ HUỖNH THẠCH	THẢO	07/02/87	9	chín		
46	06151064	NGUYỄN VĂN	THẮNG	22/12/87	9	chín		
47	06151024	PHAN THỊ CẨM	TIÊN	27/01/88	9	chín		
48	06151025	DANH THANH	TÔNG	30/08/86	10	Mười		
49	06151067	DƯƠNG THỊ MINH	TRANG	04/02/86	9	chín		
50	06151068	NGUYỄN HUỖNH THÙY	TRANG	17/11/88	9	chín		
51	06151072	NGUYỄN XUÂN	TUYÊN	27/09/85	10	Mười		
52	06151073	DƯƠNG THỊ THANH	TUYÊN	28/05/88	9	chín		
53	06151074	LÊ GIA	TÝ	05/06/88	10	Mười		
54	06151026	NGUYỄN VĂN	TÝ	20/08/88	10	Mười		

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài: _____ Số tờ: _____

Số sinh viên đạt: _____ Không đạt: _____

In Ngày 24/02/10

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Cán Bộ Coi Thi 1 T.D.P. Hưng Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 24/02/10

TP.HCM, Ngày 24 tháng 02 năm 2010

Dương Quang Thịnh

Dương Quang Thịnh



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06DC (Công nghệ địa chính)
Môn Học: Rèn nghề Đc 3 (909917-01)
CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa QI (R04)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Trang 1	Ghi Chú
1	06151001	NGUYỄN LÊ HOÀNG ANH	24/09/89		10	Huân			
2	06151027	TỬ THIÊN BÁ	11/11/88		9	chín			
3	06151003	TRỊNH TRẦN BẮC	20/03/88		10	Huân			
4	06151005	ĐẶNG NGỌC DƯƠNG	18/08/88		10	Huân			
5	06151031	NINH HÀ DƯƠNG	18/08/88		9	chín			
6	06151033	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	28/09/88		9	chín			
7	06151006	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	03/04/87		10	Huân			
8	06151007	HUỖNH HỒNG ĐOAN	06/11/87		9	chín			
9	06153008	HỒ NGỌC HÀ	03/07/87		10	Huân			
10	06151035	NGUYỄN VĂN HÀ	20/10/86		9	chín			
11	06151036	BÙI MINH HIẾU	28/04/87		9	chín			
12	06151008	NGUYỄN QUỲNH HOA	20/08/87		9	chín			
13	06151039	CAO NGỌC HÙNG	21/12/86		10	Huân			
14	06151009	HUỖNH NHẬT HUY	07/02/88		10	Huân			
15	06151040	NGUYỄN THỨC HƯNG	05/05/86		9	chín			
16	06151041	BÙI ĐỨC KHANG	30/05/88		9	chín			
17	06151042	HỒ TRUNG KIÊN	17/09/87		9	chín			
18	06151011	ĐẶNG THẢO LAM	11/06/87		9	chín			
19	06151045	CÁI THỊ THÚY LIỄU	03/05/88		9	chín			
20	06151046	LÊ THỊ THÚY LIỄU	15/07/88		9	chín			
21	06151047	NGUYỄN VĂN CHÍ LINH	30/03/87		9	chín			
22	06151048	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	06/10/88		9	chín			
23	06151012	NGUYỄN HỒNG LỘC	12/12/87		9	chín			
24	06151013	NGUYỄN THUẬN LỘC	05/01/88		10	Huân			
25	06146032	ĐOÀN VĂN MỘC	/ /86		10	Huân			
26	06151051	LÊ NGỌC TRÀ MY	11/04/88		9	chín			
27	06151052	LÊ VÕ NHƯ NGỌC	12/09/88		9	chín			
28	06151016	NGUYỄN TRƯỜNG NHÂN	25/08/87		9	chín			
29	06151053	DƯƠNG QUỐC NHUẬN	26/12/87		10	Huân			
30	06151015	Y HIỆP NIỀ	20/10/87		9	chín			
31	06151017	R CƠM NUIN	25/05/88		10	Huân			
32	06151018	BÙI THỊ TUYẾT OANH	09/09/87		9	chín			
33	06151054	NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH	01/04/87		9	chín			

Danh Sách Ghi Điểm

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Trang 2
34	06151056	PHẠM TRẦN THÀNH	PHÚ	25/11/87		9	chín	Ghi Chú
35	06151019	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	16/06/87		10	Mười	
36	06151087	HOÀNG THỊ NỮ	PHƯƠNG	01/01/87		9	chín	
37	06151057	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	20/03/87		9	chín	
38	06151058	TRẦN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	19/05/88		9	chín	
39	06151020	NGUYỄN BẢO	QUỐC	10/05/85		9	chín	
40	06151021	DƯƠNG VĂN	SIÊM	13/09/87		9	chín	
41	06151060	NGUYỄN THỊ HỒNG	SON	02/12/88		9	chín	
42	06151022	LÊ TIẾN	TÀI	10/04/87		9	chín	
43	06151062	LÊ VĂN	THÁI	04/12/88		9	chín	
44	06151023	LÊ MINH	THÀNH	05/10/88		10	Mười	
45	05151032	LÊ HUỖNH THẠCH	THẢO	07/02/87		9	chín	
46	06151064	NGUYỄN VĂN	THẮNG	22/12/87		10	Mười	
47	06151024	PHAN THỊ CẨM	TIẾN	27/01/88		9	chín	
48	06151025	DANH THANH	TỔNG	30/08/86		10	Mười	
49	06151067	DƯƠNG THỊ MINH	TRANG	04/02/86		9	chín	
50	06151068	NGUYỄN HUỖNH THÙY	TRANG	17/11/88		9	chín	
51	06151072	NGUYỄN XUÂN	TUYỀN	27/09/85		10	Mười	
52	06151073	DƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	28/05/88		9	chín	
53	06151074	LÊ GIA	TÝ	05/06/88		10	Mười	
54	06151026	NGUYỄN VĂN	TÝ	20/08/88		10	Mười	

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài: _____ Số tờ: _____

Số sinh viên đạt: _____ Không đạt: _____

In Ngày 24/02/10

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Cán Bộ Coi Thi 1 T.D. P. Hùng Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 24/02/10

TP.HCM, Ngày 24 tháng 02 năm 2010

Trần Quang Chính
Trần Quang Chính